

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 59/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành xây dựng tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 387/SXD-TTr ngày 13 tháng 12 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính ban hành mới và được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*đính kèm danh mục, nội dung thủ tục hành chính*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác của Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở xây dựng, UBND cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

**Điều 4.** Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Xây dựng cập nhật nội dung, quy trình giải quyết của từng thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) chung của tỉnh.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH XÂY DỰNG BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**Phần I**

**MỤC A**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

Số	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung	Nội dung kiến nghị	Lý do	Trang
A	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>				<b>11</b>
I.	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC</b>				<b>11</b>
1.	Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng	<p>- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng</p>	Kiến nghị ban hành sung vụ dịch công ngành Xây dựng	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại các văn bản số: 1711/UBND- HCTC ngày 28/02/2017 về triển khai các nhiệm vụ CCHC năm 2017; 8587/UBND- HCTC ngày 28/8/2017 về việc cung cấp thông tin quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng cho người dân,	11

*N. V. Miền*

				doanh nghiệp và 9760/UBND-HCC ngày 27/9/2017 về việc giải quyết thủ tục liên quan đến hoàn công nhà ở riêng lẻ	
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>				14
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>				14
1.	Kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng (Đối với công trình nhà ở riêng lẻ dưới 07 tầng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</li> <li>- Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ.</li> <li>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</li> </ul>	Kiến nghị ban hành thủ tục hành chính Ngành Xây dựng	Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản 11391/UBND-KSTT ngày 03/11/2017	14
2.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình được UBND tỉnh phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thực hiện	<p><b>2.1. Đối với các công trình khởi công xây dựng trước ngày 01/7/2015:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 16/2006/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Đầu tư số 38/2009/QH12;</li> <li>- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013; số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010; số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003; số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012; số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006; số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013; số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013; số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010; số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng; số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính. Thông tư về hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn</li> </ul>	Kiến nghị ban hành thủ tục hành chính Ngành Xây dựng	Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản 8587/UBND-HCTC ngày 28/8/2017 về việc cung cấp thông tin quy hoạch đất đai, quy hoạch xây	22

Kiểm tra trên địa bàn huyện	đầu tư xây dựng công trình. <b>2.2. Đối với các công trình khởi công xây dựng từ ngày 01/7/2015 về sau:</b> - Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng		đựng cho người dân, doanh nghiệp	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC NHÀ Ở</b>		Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại các văn bản số: 1711/UBND-HCTC ngày 28/02/2017; 8587/UBND-HCTC ngày 28/8/2017 và 9760/UBND-HCC ngày 27/9/2017.	32
3	Cấp số nhà  - Quyết định số 05/2006/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành quy chế đánh số và gắn biển số nhà; - Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006; Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 31/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; - Quyết định về việc Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều, khoản của Quy định đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)	Kiến nghị ban hành bổ sung dịch vụ công Ngành Xây dựng		32
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC</b>  - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn và lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng	Kiến nghị ban hành bổ sung dịch vụ công Ngành Xây dựng	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại các văn bản số: 1711/UBND-	35
4	Cung cấp thông tin quy hoạch cấp huyện			35

				HCTC ngày 28/02/2017; 8587/UBND- HCTC ngày 28/8/2017 và 9760/UBND- HCC ngày 27/9/2017.	
--	--	--	--	---	--

*PT*

**MỤC B**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự TTHC	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Trang
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1.	<b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (Thuộc MỤC I- Từ Trang số 01 đến trang số 109, Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)</b>				
	Cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức Tư vấn quản lý dự án; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng	Thủ tục số 1 (Trang số 1- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ-UBND)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng động xây dựng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục a, Trang 1 và 2, thủ tục số 1;</li> <li>- Thời hạn giải quyết: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục d, Trang 2, thủ tục số 1;</li> <li>- Phí, Lệ phí: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục h, Trang 3, thủ tục số 1;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: bổ sung nội dung “Bản khai kinh nghiệm...” tại Mục i, Trang 3, thủ tục số 1 và Phụ lục 01 - kèm theo;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Bổ sung Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng (Mục k, Trang 7, thủ tục số 1).</li> </ul>	38
2.	Cấp/cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyên đổi/ điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực:	Thủ tục số 3 (Trang số 15- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ-UBND)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục a, Trang 15-16, thủ tục số 3;</li> <li>- Thời hạn giải quyết: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục d, Trang 17, thủ tục số 3;</li> <li>- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quy định rõ nội dung tại Mục e, Trang 17, thủ tục số 3.</li> </ul>	45

<p>Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án</p>	<p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề HDXD hạng II, hạng III (<i>trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án</p>	<p><b>Thủ tục số 4</b> (Trang số 25- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ - UBND)</p>	<p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.</p>	<p><b>* Trường hợp chứng chỉ hành nghề HDXD (bị rách nát/thất lạc) đã được cấp trước ngày 01/9/2016:</b> - Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục a, Trang 25-26, thủ tục số 4; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính. <b>* Trường hợp chứng chỉ hành nghề HDXD (bị rách nát/thất lạc) đã được cấp từ ngày 01/9/2016 về sau:</b> - Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung tại Mục a, Trang 25-26, thủ tục số 4; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>	<p>47</p>
<p>3.</p>		<p><b>Thủ tục số 9</b> (Trang số 87- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ - UBND)</p>	<p>- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về: Trình tự thực hiện; Thành phần, số lượng hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<p>51</p>

*Handwritten signature*



			dùng;		
5.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 01 bước- quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)	Thủ tục số 10 (Trang số 92- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ-UBND)	- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về: Trình tự thực hiện; Thành phần, số lượng hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	54
6.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)	Thủ tục số 11 (Trang số 98- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ-UBND)	- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về: Trình tự thực hiện Cách thức thực hiện Thành phần, số lượng hồ sơ Thời hạn giải quyết Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; Căn cứ pháp lý của TTHC	57
<b>II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC (Thuộc MỤC III- Từ Trang 150 đến Trang 166, Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)</b>					
7.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Thủ tục số 19 (Trang số 150- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ-UBND)	Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 3, Mục f, trang 152, thủ tục số 19. - Phụ, lệ phí: Sửa đổi Mục h, trang 152, thủ tục số 19. - Căn cứ pháp lý của TTHC: Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 19, Mục k, trang 154, thủ tục số 19- Bộ thủ tục hành chính theo Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh	60
8.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của	Thủ tục số 20 (Trang	Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng; Quyết định	- Thành phần, số lượng hồ sơ: Sửa đổi các nội dung tại Gạch đầu dòng thứ 2, Dấu sao thứ nhất (thành	62

*Handwritten signature*

	<p>dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh</p>	<p>số 155- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ – UBND)</p>	<p>số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>phần hồ sơ chung), Mục c, trang 155, 156, thủ tục số 20.          - Cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 3, Mục f, trang 158, thủ tục số 20.          - Kết quả của việc thực hiện TTHC: Sửa đổi Mục g, trang 158, thủ tục số 20.          - Phí, lệ phí: Sửa đổi Mục h, trang 158, thủ tục số 20.          - Căn cứ pháp lý của TTHC: Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 19, Mục k, trang 159, thủ tục số 20.          (Bộ thủ tục hành chính theo Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)</p>
9.	<p>Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý</p>	<p>Thủ tục số 21 (Trang số 161- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ – UBND)</p>	<p>Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sửa đổi Gạch đầu dòng thứ 3, Mục f, trang 162, thủ tục số 21- Bộ thủ tục hành chính theo Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh</p>
<b>III.</b>	<p><b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b> (Thuộc MỤC V- Từ Trang 185 đến Trang 192, Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)</p>			
10.	<p>Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)</p>	<p>Thủ tục số 25 (Trang số 185- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ – UBND)</p>	<p>a) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào công trình vào sử dụng đối với các công trình (khi công trình trước ngày 01/7/2015) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành):</p>	<p>a) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình (khi công trình trước ngày 01/7/2015) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành):</p> <p>- Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục a, Trang 185, thủ tục số 25;</p> <p>- Thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục c, Trang 186, thủ tục số 25;</p>

<p>ngành</p>	<p>của Quốc hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013; số 114/2010/ND-CP ngày 06/12/2010; số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003; số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012; số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013; số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013; số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010; số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.</li> <li>b) Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình (khai công xây dựng từ ngày 01/7/2015 về sau) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)</li> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn giải quyết: Sửa đổi nội dung tại Mục d, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Đối tượng thực hiện: Sửa đổi nội dung tại Mục e, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Cơ quan thực hiện: Bổ sung nội dung tại Mục f, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Sửa đổi nội dung tại Mục g, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Phí, lệ phí: Sửa đổi nội dung tại Mục h, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sửa đổi nội dung tại Mục i, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục k, Trang 186, thủ tục số 25</li> <li>b) Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình (khai công xây dựng từ ngày 01/7/2015 về sau) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành):</li> <li>- Trình tự thực hiện: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục a, Trang 185, thủ tục số 25;</li> <li>- Thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục c, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Thời hạn giải quyết: Sửa đổi nội dung tại Mục d, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Phí, lệ phí: Sửa đổi nội dung tại Mục h, Trang 186, thủ tục số 25;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sửa đổi nội dung tại</li> </ul>
--------------	--	--

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

					Mục i, Trang 186, thủ tục số 25;	
<b>B.</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>					
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC (Thuộc MỤC II- Từ trang 290 đến trang 303, Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)</b>					
11.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<b>Thủ tục số 4</b> (Trang số 290- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ – UBND)	Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung: Phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của TTHC	77	
12.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<b>Thủ tục số 5</b> (Trang số 294- Bộ TTHC theo Quyết định 1803/QĐ – UBND)	Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung: Phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của TTHC	79	

*Quang*

## Phần 2

# NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC

#### 1. Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng

##### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ đầu tư liên hệ Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc truy cập vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh (theo địa chỉ: <https://tracuudvc.dongnai.gov.vn>) để xem hướng dẫn thủ tục. Sau đó, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo quy định tại thủ tục này) nộp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến kèm theo các mẫu văn bản, hồ sơ đính kèm (dạng file mềm) trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

*Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua đường bưu điện đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.*

- Bước 2: Trung tâm hành chính công tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và thông báo cho chủ đầu tư về tính hợp lệ của hồ sơ qua thư điện tử (qua đường bưu điện hoặc trực tiếp).

- Bước 3: Sở Xây dựng rà soát, cung cấp thông tin quy hoạch cho chủ đầu tư bằng văn bản.

Sau khi có kết quả, Sở Xây dựng chuyển kết quả, hồ sơ đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Trung tâm hành chính công tỉnh gửi thư điện tử thông báo cho chủ đầu tư về kết quả thực hiện của hồ sơ. Trung tâm hành chính công tỉnh thực hiện trả kết quả cho chủ đầu tư bằng các hình thức (trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc Sonadezi, Số 1 - đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).


##### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:


- Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, vị trí khu đất xin cung cấp thông tin quy hoạch (01 bản chính hoặc file scan định dạng \*.PDF nếu nộp qua mạng);

- Bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 02 năm (02 bản photo hoặc file AutoCad định dạng \*.DWG nếu nộp qua mạng);

- Các Văn bản pháp lý có liên quan (nếu có; 02 bộ photo hoặc file scan định dạng \*.PDF nếu nộp qua mạng).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

  
D. Y. N. Kien

 11

e) **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cơ quan.

f) **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp tỉnh là Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quy hoạch Kiến trúc, phòng Phát triển Đô thị và Hạ tầng Kỹ thuật (đối với các hồ sơ quy hoạch xây dựng thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật).

g) **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản.

h) **Phí, lệ phí:** Không.

i) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu đính kèm.

j) **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Cung cấp đầy đủ và chịu trách nhiệm về các thông tin theo đơn đề nghị.

k) **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

**1. Chủ đầu tư:**

- Họ tên người làm đơn (trường hợp cơ quan, đơn vị doanh nghiệp thì thủ trưởng cơ quan là đại diện, ghi rõ tên cơ quan):.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà.....Đường (phố).....

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Điện thoại:.....Fax: .....

- Email: .....

**2. Địa điểm đề xuất:**

Số nhà.....Đường (phố).....

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số: .....

Diện tích:.....

*(đính kèm bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 01 năm)*

**3. Ý định đầu tư xây dựng:**

- Chức năng công trình: .....

- Diện tích ô đất (m<sup>2</sup>):..... Mật độ xây dựng dựng (%): .....

- Tổng diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>):..... Tầng cao công trình (tầng): .....


- Chiều cao công trình (m):.....

4. Để có cơ sở triển khai nghiên cứu các bước tiếp theo của dự án đầu tư theo đúng quy định, kính đề nghị Sở Xây dựng Đồng Nai cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng tại vị trí nêu trên. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Đồng Nai, ngày.....tháng.....năm.....

**Người làm đơn**

(Nếu của cơ quan, đơn vị thì người đại diện ký tên, đóng dấu)

 13

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **1. Thủ tục kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng (Đối với công trình nhà ở riêng lẻ dưới 07 tầng)**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

##### **- Bước 1:**

+ Chủ công trình chuẩn bị 01 Đơn đề nghị kiểm tra công trình theo giấy phép xây dựng (*Mẫu đơn đề nghị số 01*) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Sau khi nhận được đơn đề nghị, trong thời gian 0.5 ngày Bộ phận tiếp nhận của cơ quan cấp phép chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (phòng Quản lý đô thị hoặc Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện) để xử lý.

- **Bước 2:** Trong thời gian 02 ngày làm việc, phòng chuyên môn xử lý hồ sơ ra Thông báo kế hoạch kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng gửi đến chủ công trình. (*Mẫu thông báo số 02*)

- **Bước 3:** Trong thời gian 05 ngày làm việc, phòng chuyên môn thực hiện kiểm tra công trình theo kế hoạch.

+ Chủ công trình chuẩn bị 02 bộ hồ sơ (*01 bộ gốc và 01 bộ photo*), các thành phần hồ sơ được nêu tại Mục 3 của Quy trình này để phục vụ công tác kiểm tra.

+ Công tác kiểm tra hồ sơ và hiện trạng công trình được thực hiện tại địa điểm xây dựng công trình.

+ Nội dung kiểm tra, gồm: Việc chấp hành các nội dung Giấy phép xây dựng, quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng (*Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ và Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng*) và các quy định của pháp luật khác có liên quan (*Khoản 3 Điều 19 của Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai*).

+ Biên bản kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng được lập sau khi kết thúc việc kiểm tra tại công trình. (*Mẫu Biên bản số 03*)

##### **- Bước 4: Trình thủ trưởng cơ quan trực tiếp kiểm tra:**

+ Trường hợp công trình xây dựng theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật, trong thời gian 01 ngày Thủ trưởng cơ quan trực tiếp kiểm tra xem xét ký Biên bản kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng.

+ Trường hợp công trình xây dựng vi phạm quy định, trong vòng 02 ngày cơ quan cấp phép xem xét chuyển cơ quan chuyên môn theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và thông báo bằng văn bản cho chủ công trình được biết.

+ Trường hợp kiểm tra hiện trạng bằng trực quan, các số liệu quan trắc, đo đạc (nếu có) cho thấy công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế (ngiên, lún, nứt, thấm...vượt quy định cho phép) thì cơ quan cấp phép xây dựng ra văn bản yêu cầu chủ công trình tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.



Các trường hợp cần phải chuyển xử lý vi phạm hành chính hoặc thí nghiệm, kiểm định chất lượng, khả năng chịu lực của công trình thì **thủ tục hành chính sẽ ngừng không giải quyết tại đây**. Sau khi có kết quả xử lý vi phạm hành chính hoặc thí nghiệm, kiểm định đối chứng thì Chủ công trình nộp lại các kết quả chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính, kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình để thực hiện lại thủ tục hành chính. Căn cứ kết quả chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính, kết quả thí nghiệm, kiểm định đối chứng và các kết quả kiểm tra khác (nếu có), Cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ xem xét, xử lý lập Biên bản kiểm tra công trình theo giấy phép xây dựng cho chủ công trình.

- **Bước 5:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo và trả kết quả trực tiếp cho chủ công trình hoặc trả qua đường bưu điện tùy theo nhu cầu đã đăng ký. **(01 ngày)**

b) **Cách thức thực hiện:** Nộp đơn đề nghị trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ dưới 07 tầng:**

Chủ công trình chuẩn bị các hồ sơ sau để phục vụ công tác kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng:

- **Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m<sup>2</sup> hoặc dưới 03 tầng hoặc có chiều cao dưới 12m:**

+ Đơn đề nghị (Mẫu số 01);

+ Giấy phép xây dựng kèm theo bản vẽ được cấp phép;

+ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng (nếu có);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng (nếu có);

+ Bản vẽ hoàn công (trong trường hợp việc thi công xây dựng có sai khác so với thiết kế bản vẽ thi công xây dựng);

+ Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: an toàn phòng cháy, chữa cháy; an toàn vận hành thang máy; đấu nối điện, cấp – thoát nước;

- **Đối với nhà ở riêng lẻ từ 3 tầng đến 6 tầng, có tổng diện tích sàn xây dựng từ 250 m<sup>2</sup> trở lên và chiều cao từ 12m trở lên:**

+ Đơn đề nghị (Mẫu số 01);

+ Giấy phép xây dựng kèm theo bản vẽ được cấp phép;

+ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng (nếu có);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng (nếu có);

+ Hồ sơ thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công xây dựng (nếu có);

+ Hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế;

+ Hợp đồng thi công xây dựng đối với tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm thi công công trình có quy mô tương tự.

+ Bản vẽ hoàn công (trong trường hợp việc thi công xây dựng có sai khác so với thiết kế bản vẽ thi công xây dựng).

+ Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: an toàn phòng cháy, chữa cháy; an toàn vận hành thang máy; đầu nối điện, cấp – thoát nước.

+ Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng (nếu có).

**d) Thời hạn giải quyết:** (Thời gian giải quyết là thời gian tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Không quá 10 ngày làm việc.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân và tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan tham mưu, xử lý: Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng .

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan xử lý vi phạm hành chính cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp (trong trường hợp yêu cầu tham gia thực hiện việc kiểm tra).

**g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Biên bản kiểm tra công trình theo Giấy phép xây dựng.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị kiểm tra công trình theo giấy phép xây dựng (Mẫu số 01)

**j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ.

- Quyết định số 50/2015/QĐ- UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**KIỂM TRA CÔNG TRÌNH THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Kính gửi: ..... (1) .....

Chủ công trình/hạng mục công trình..... báo cáo về thông tin của công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình .....
2. Địa điểm xây dựng: .....
3. Tên và địa chỉ liên lạc của chủ công trình: .....
4. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu:
  - + Khảo sát xây dựng (nếu có):
  - + Thiết kế xây dựng công trình (nếu có):
  - + Thi công xây dựng công trình:
  - + Giám sát thi công xây dựng (nếu có):
  - + Đơn vị thí nghiệm xây dựng (nếu có):
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành.

Đến nay công trình đã được thi công xây dựng hoàn thành, đề nghị ..... (1) ..... tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**CHỦ CÔNG TRÌNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

.....  
(1). Cơ quan cấp phép xây dựng.

UBND CẤP HUYỆN  
PHÒNG CHUYÊN MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..... /.....

Đồng Nai, ngày tháng năm

V/v Thông báo kế hoạch kiểm tra  
theo giấy phép xây dựng đối với công  
trình nhà ở riêng lẻ của ...(1).....

Kính gửi: .....(1).....

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ.

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Thông tư 26/2016/TT-BXD).

Quyết định số 50/2015/QĐ- UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.;

Sau khi xem xét Đơn đề nghị của .....(2)....., .....(1)..... thông báo kế hoạch kiểm tra theo giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ của...(2)..... như sau:

**1. Thời gian kiểm tra:** bắt đầu từ ..... giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm..... đến giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

**2. Địa điểm kiểm tra:** Tại công trình được xây dựng theo giấy phép.

**3. Thành phần đoàn kiểm tra:**

**4. Nội dung và phương pháp kiểm tra:**

- Các nội dung quy định trong Giấy phép xây dựng; quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan (Khoản 3 Điều 19 của Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ- UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai).

- Kiểm tra công trình bằng trực quan và đo đạc thực tế; Xem xét, đối chiếu các hồ sơ liên quan.

**5. Tổ chức thực hiện:**

**a. Đơn vị chủ trì kiểm tra:** Tổ chức thực hiện kiểm tra công trình xây dựng theo kế hoạch này.

**b. Nội dung chủ công trình thực hiện:**

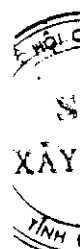
Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu có liên quan để phục vụ kiểm tra, bố trí chỗ làm việc tại công trường và mời các tổ chức, cá nhân, nhà thầu có liên quan cùng làm việc.

Trên đây là nội dung thông báo kế hoạch kiểm tra theo giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ của ... (2) ....., đề nghị chủ công trình và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu phối hợp thực hiện./.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND huyện (b/cáo);
- Lưu: VT...



*[Handwritten signature]*

**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THEO GPXD**

Công trình: .....

- Căn cứ Giấy phép xây dựng số /GPXD ngày / / do ..... cấp,  
kèm bản vẽ thiết kế được duyệt.

Hôm nay, hồi giờ, ngày tháng năm Chúng tôi gồm :

- Đại diện cơ quan cấp phép: .....

- Đại diện chủ công trình: .....

Đã đến địa điểm xây dựng công trình để kiểm tra và lập Biên bản việc thực hiện xây dựng công trình theo GPXD như sau:

**I. Thông tin công trình được kiểm tra:**

- Tên công trình:

- Địa điểm xây dựng:

- Quy mô công trình:

**II. Kết quả kiểm tra:**

*1. Kết quả kiểm tra sự tuân thủ nội dung Giấy phép xây dựng được cấp:*

- Vị trí xây dựng:

.....

- Kích thước công trình:

.....

- Kiến trúc công trình:

.....

- Kết cấu công trình:

.....

*2. Kết quả kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình:*

- Các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng công trình (khảo sát, thiết kế, thẩm tra, giám sát, thi công xây dựng):

.....

*3. Kết quả kiểm tra hiện trạng chất lượng công trình:*

.....

*4. Kết quả kiểm tra bản vẽ hoàn công:*

.....

*5. Các nội dung khác:*

*Handwritten signature/initials*

.....  
6. Ý kiến kết luận:  
.....

Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ công trình, 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy phép xây dựng./.

**CHỦ CÔNG TRÌNH    CÁN BỘ KIỂM TRA    CƠ QUAN TRỰC TIẾP KIỂM TRA**  
(Ký tên, đóng dấu)

.....  
C  
DỰ  
.....  
ÔNG

*[Handwritten signature]*

**2. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình được UBND tỉnh phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra trên địa bàn huyện**

**1.1. Đối với các công trình khởi công xây dựng trước ngày 01/7/2015**

**a) Trình tự thực hiện:**

Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp III và cấp IV) so với ngày Chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc báo cáo hoàn thành công trình cùng hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) gửi tới Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

+ Nhập tên hồ sơ vào sổ theo dõi và máy vi tính.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý.

Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế dựa trên hồ sơ hoàn thành công trình. Khi cần thiết, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện được quyền yêu cầu Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản tới chủ đầu tư biết để bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thông báo cho chủ đầu tư lịch kiểm tra công trình lần cuối.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ phát hiện thấy tổ chức thí nghiệm không đủ điều kiện năng lực theo quy định, số liệu kết quả thí nghiệm không đủ độ tin cậy; kiểm tra hiện trạng bằng trực quan, các số liệu quan trắc, đo đạc cho thấy công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế (ngiên, lún, nứt, thấm... vượt quy định cho phép) thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.

- Bước 4:

+ Trên cơ sở kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình; kết quả kiểm tra công trình lần cuối và kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây



+ Trên cơ sở kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình; kết quả kiểm tra công trình lần cuối và kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế và quy định của pháp luật, đảm bảo đủ điều kiện khai thác và sử dụng công trình thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện có văn bản chấp thuận cho Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

+ Trường hợp công trình có biểu hiện không đảm bảo an toàn vận hành, khai thác và sử dụng (an toàn chịu lực, an toàn PCCC, an toàn môi trường và các an toàn khác theo quy định của pháp luật có liên quan); vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện có văn bản không chấp thuận cho Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng chỉ được thực hiện nếu các bên có liên quan khắc phục, giải quyết được các tồn tại và vi phạm nêu trên.

- Bước 5: Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện tùy theo nhu cầu của công dân đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện.

**c) Thành phần, Số lượng hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng:**

1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 (01-Bản chính);

2. Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng và hợp đồng theo quy định tại Mục A Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Quyết định về chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo Dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi).

- Các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.

- Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).

- Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.

- Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.

- Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

- Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.

- Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.



*[Handwritten signature]*

23 *[Handwritten initials]*

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

3. Hồ sơ khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Mục B Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

- Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kèm theo: hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4); chỉ dẫn kỹ thuật; văn bản thông báo kết quả thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4).

- Biên bản nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.

- Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

4. Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Mục C Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Bản vẽ hoàn công theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4).

- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình (đề cương giám sát, biện pháp thi công,...).

- Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

- Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

- Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.

- Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.

- Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

b) An toàn phòng cháy, chữa cháy (các văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét);

c) An toàn môi trường;

d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

- Nhật ký thi công và nhật ký giám sát thi công xây dựng công trình.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư.

- Các phụ lục tồn tại cần sửa chữa, khắc phục sau khi đưa công trình vào sử dụng.

- Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

**d) Thời hạn giải quyết:** (Thời gian giải quyết là thời gian tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

Không quá 15 ngày làm việc đối với công trình cấp III và cấp IV.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân và tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan Quyết định: Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp (trong trường hợp Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện yêu cầu tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng).

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

**g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

**h) Phí, lệ phí:**

Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình, bao gồm:

- Chi phí kiểm tra của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, ở...) được tính theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.

- Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điểm 3, 5 Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng; giá trị căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện được tính theo quy

định tại Phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo về thông tin công trình / hạng mục công trình (Phụ lục 1a – Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng).

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình (Phụ lục 3- Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng).

**j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.**

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xây dựng số 16/2006/QH11 ngày 26/11/2003;

- Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng về Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**Phụ lục 1a**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)

.....(Tên Chủ đầu tư) ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

**Kính gửi:** ..... (1) .....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình..... báo cáo về thông tin của công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình .....
  2. Địa điểm xây dựng: .....
  3. Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: .....
  4. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
  5. Danh sách các nhà thầu: (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
  6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
- Đề nghị ..... (1) ..... tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (2)
- Lưu ...

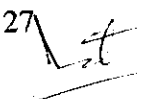
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và  
đóng dấu pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.



27 

**Phụ lục 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD  
ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

.....(Tên Chủ đầu tư) .....

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : ..... (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình..... báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau :

1. Tên công trình/hạng mục công trình .....
2. Địa điểm xây dựng .....
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (ghi rõ các điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định của pháp luật).

Đề nghị....(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- ..... (2) .....(để biết);
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

- (1). Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Điều 25 Thông tư này.
- (2). Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 25 Thông tư này.

*Lt*

## 2.2. Đối với các công trình khởi công xây dựng từ ngày 01/7/2015 về sau

### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) gửi tới Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện.

\* Người tiếp nhận hồ sơ của Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; sau đó chuyển hồ sơ đến Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện để xem xét.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận xử lý hồ sơ xem xét sơ bộ và thông báo kế hoạch kiểm tra đến chủ đầu tư. Thời gian thực hiện là 02 ngày;

- Bước 3: Trong thời gian 5,5 ngày, Bộ phận xử lý hồ sơ thực hiện kiểm tra theo kế hoạch;

- Bước 4: Gửi văn bản thông báo kết quả kiểm tra đến chủ đầu tư; yêu cầu giải trình, khắc phục tồn tại, thí nghiệm, kiểm định, thử tải (nếu có). Thời gian thực hiện là 02 ngày; đồng thời bấm nút tạm dừng trên egov để chờ chủ đầu tư tổ chức thực hiện các yêu cầu và tổ chức nghiệm thu công trình;

- Bước 5+B6: Sau khi nhận được thông báo của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát và tổ chức khắc phục các tồn tại, tổ chức thí nghiệm, kiểm định, thử tải theo yêu cầu của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (nếu có), tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, kết quả thí nghiệm, khiểm định, thử tải (nếu có) đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thông qua Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện.

- Bước 7: Bấm nút tiếp tục xử lý sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, kết quả thí nghiệm, khiểm định, thử tải (nếu có) từ chủ đầu tư;

Bộ phận xử lý hồ sơ rà soát, tổng hợp kết quả kiểm tra và dự thảo văn bản thông báo kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu; trình lãnh đạo Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện. Thời gian thực hiện là 06 ngày;

- Bước 8: Lãnh đạo Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện ký duyệt kết quả. Thời gian thực hiện là 03 ngày;

- Bước 9: Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 10: Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.



**b) Cách thức thực hiện thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận TTHC cấp huyện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư gửi Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình và Báo cáo khắc phục các tồn tại (nếu có) đến Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu.

**h) Lệ phí, phí:** Không có (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.



**Phụ lục V**

(Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD  
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**Mẫu số 02. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng  
hạng mục công trình, công trình xây dựng**

..... (1) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: ..... (2) .....

(1) ..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: .....

2. Địa điểm xây dựng .....

3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị .... (1) .... tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
pháp nhân)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu ...

**Ghi chú:**

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

## II. LĨNH VỰC NHÀ Ở

### 1. Cấp số nhà

#### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị hồ sơ và điền đầy đủ thông tin hồ sơ quy định tại Mục 3 của Thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã (gọi là Bộ phận một cửa cấp xã). Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ bổ sung; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ghi giấy biên nhận hẹn trả hồ sơ, sau đó chuyển hồ sơ đến cán bộ địa chính cấp xã.

- Bước 3: Cán bộ địa chính (nhà đất) của cấp xã xác định số nhà cũ, hoặc xin cấp mới số nhà của căn nhà đối chiếu với phương án đánh số nhà để tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến đề xuất cụ thể trên đơn xin cấp số nhà. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến xác nhận thì chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện (gọi tắt là Bộ phận một cửa cấp huyện).

- Bước 4: Công chức của Bộ phận một cửa cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn để nộp hồ sơ bổ sung; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ghi giấy biên nhận hẹn trả hồ sơ. Sau đó chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện.

- Bước 5: Phòng Quản lý Đô thị hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện có trách nhiệm viết biên nhận hồ sơ, kiểm tra, xét cấp Giấy chứng nhận số nhà (trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp số nhà phải có văn bản trả lời cho tổ chức cá nhân được biết). Sau đó chuyển Giấy chứng nhận số nhà hoặc văn bản trả lời đến Bộ phận một cửa cấp huyện.

- Bước 6: UBND cấp xã liên hệ Bộ phận một cửa cấp huyện để nhận kết quả cấp số nhà.

- Bước 7: Cá nhân, tổ chức xin cấp số nhà liên hệ Bộ phận một cửa cấp xã để nhận kết quả cấp số nhà.

*(Việc thực hiện cấp lại giấy chứng nhận số nhà do bị mất hoặc rách nát được thực hiện như quy trình này. Bộ phận một cửa cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn quy cách biển số nhà và vị trí gắn Biển số nhà cho tổ chức, cá nhân khi trả kết quả).*

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

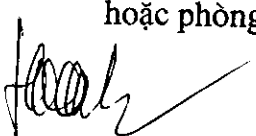
- Đơn đề nghị cấp số nhà.

- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

**d) Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc (Trong đó: tại cấp xã là 03 ngày, tại cấp huyện là 05 ngày).

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức xin cấp số nhà.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp xã; Phòng Quản lý Đô thị hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.



**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cấp số nhà.

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp số nhà.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tất cả nhà ở, nhà chung cư, công trình xây dựng không nằm trong khu vực đã có quyết định giải tỏa.

- Tất cả nhà ở, nhà chung cư, công trình xây dựng nếu xây dựng không phép hoặc trái phép trong khu vực cấm xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng sẽ được cấp số tạm để phục vụ công tác quản lý.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 05/2006/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành quy chế đánh số và gắn biển số nhà;

- Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 31/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Quy định đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều, khoản của Quy định đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

ĐƠN  
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỐ NHÀ**

Kính gửi:

- Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng) huyện .....
- Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).....

- Tôi tên là: .....
- Chứng minh nhân dân số: ....., do..... cấp ngày .....
- Hộ khẩu thường trú tại:.....

.....  
Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai, UBND huyện (thành phố, thị xã) về việc chỉnh sửa số nhà trên địa bàn phường (xã, thị trấn) ....., huyện (thành phố, thị xã)....., tỉnh Đồng Nai.

Nay tôi làm đơn này đề nghị Phòng Quản lý Đô thị ..... hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng huyện....., Ủy ban nhân dân phường (xã, thị trấn) ..... xét cấp cho tôi số nhà đối với căn nhà tọa lạc tại:

- Địa chỉ:.....
- Thửa đất số: ..... ; Tờ bản đồ số: .....

Kính mong được sự chấp thuận, tôi thành thật cảm ơn./.

**Đề xuất của Ủy ban nhân dân  
phường (xã, thị trấn)**

....., ngày..... tháng .....năm.....

**Kính đơn**



### III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

#### 2. Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng cấp huyện

##### a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Các tổ chức, cá nhân liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để được hướng dẫn thủ tục. Sau đó, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo quy định tại thủ tục này) nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

*Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.*

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan quản lý về quy hoạch xây dựng cấp huyện rà soát, cung cấp thông tin quy hoạch cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản.

Sau khi có kết quả, Cơ quan quản lý về quy hoạch xây dựng cấp huyện chuyển kết quả, hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả thực hiện của hồ sơ. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thực hiện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện sau khi có xác nhận nộp lệ phí.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

##### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Áp dụng đối với tổ chức, cơ quan:

+ Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, vị trí khu đất xin cung cấp thông tin quy hoạch (01 bản chính);

+ Bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 02 năm (02 bản photo);

+ Các Văn bản pháp lý có liên quan (nếu có; 02 bộ photo).

- Áp dụng đối với các cá nhân:

+ Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, vị trí khu đất xin cung cấp thông tin quy hoạch (01 bản chính);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 02 năm (02 bản photo);

+ Các Văn bản pháp lý có liên quan (nếu có; 02 bộ photo).

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân.



**f) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện là phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị;

**g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản.**

**h) Lệ phí:** Thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh. Trong trường hợp Giấy CNQSDĐ không thể hiện bảng tọa độ VN-2000, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh cấp huyện thực hiện thu lệ phí trích lục hồ sơ bản đồ địa chính là 38.000 đồng/01 trang thông tin ( ).

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu đính kèm.

**j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:**

- Cung cấp đầy đủ và chịu trách nhiệm về các thông tin theo đơn đề nghị.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH**

Kính gửi: UBND huyện (thị xã, thành phố).....

**1. Chủ đầu tư:**

- Họ tên người làm đơn (trường hợp cơ quan, đơn vị doanh nghiệp thì thủ trưởng cơ quan là đại diện, ghi rõ tên cơ quan):.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà.....Đường (phố).....  
(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Điện thoại:.....Fax: .....

- Email: .....

**2. Địa điểm đề xuất:**

Số nhà.....Đường (phố).....  
(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số: .....

Diện tích:.....

*(đính kèm bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 01 năm)*

**3. Ý định đầu tư xây dựng:**

- Chức năng công trình: .....

- Diện tích ô đất (m<sup>2</sup>):..... Mật độ xây dựng dựng (%): .....

- Tổng diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>):..... Tầng cao công trình (tầng): .....

- Chiều cao công trình (m):.....


4. Để có cơ sở triển khai nghiên cứu các bước tiếp theo của dự án đầu tư theo đúng quy định, kính đề nghị UBND huyện (thị xã, thành phố) ..... cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng tại vị trí nêu trên. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Đồng Nai, ngày.....tháng.....năm.....

**Người làm đơn**

(Nếu của cơ quan, đơn vị thì người đại diện ký tên, đóng dấu)



 37

## MỤC B

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

##### I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Thủ tục cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức Tư vấn quản lý dự án; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng

##### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia (<http://chungchi.xaydung.gov.vn>) hoặc trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

\* Người tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; viết phiếu thu phí, lệ phí và hướng dẫn nộp phí, lệ phí. Sau đó chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD.

+ Đối với trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đến email đã đăng ký của cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ gửi xác nhận đến email đã đăng ký của nhà thầu và yêu cầu nộp phí, lệ phí, tổ chức có trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo quy định. Sau khi nhận được phí và lệ phí cấp chứng chỉ thì người tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 3: Trong thời gian 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ.



Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện; trường hợp cần thiết thì tổ chức xác minh, yêu cầu làm rõ hồ sơ; đồng thời bấm tạm dừng xử lý (không tính thời gian) trên hệ thống egov;

Trường hợp không có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hoặc xác minh, làm rõ hồ sơ thì chuyển thẳng qua Bước 7

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân thực hiện theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hoặc xác minh, làm rõ hồ sơ... Không tính thời gian trên egov;

- Bước 5+ 6: Trường hợp đã yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hoặc xác minh, làm rõ hồ sơ ở Bước 3 thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ do tổ chức, cá nhân nộp tại Trung tâm Hành chính của tỉnh và chuyển đến Bộ phận xử lý thông qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở Sở Xây dựng, đồng thời bấm nút tiếp tục xử lý trên hệ thống egov. Không tính thời gian trên egov;

- Bước 7: Bộ phận xử lý kiểm tra hồ sơ sau khi được tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện hoặc xác minh làm rõ:

Trường hợp hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện hoặc xác minh, làm rõ... đạt yêu cầu thì chuẩn bị phiếu đánh giá và chuyển hồ sơ kèm phiếu đánh giá để Hội đồng xét cấp chứng chỉ đánh giá;

Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu thì chuyển xuống Bước 14 - 15 để trả hồ sơ và kết thúc thủ tục hành chính;

Thời gian xử lý Bước 7 là 03 ngày;

- Bước 8: Hội đồng xét cấp chứng chỉ đánh giá hồ sơ. Thời gian thực hiện là 05 ngày;

- Bước 9: Bộ phận xử lý tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng xét cấp chứng chỉ và trình lãnh đạo SXD xem xét quyết định. Thời gian xử lý là 1,5 ngày;

- Bước 10: Lãnh đạo SXD duyệt quyết định cấp chứng chỉ và Văn bản đề nghị BXD cấp mã số chứng chỉ, đồng thời bấm nút tạm dừng xử lý trên hệ thống egov sau khi gửi văn bản đến Bộ Xây dựng. Thời gian xử lý là 02 ngày;

- Bước 11: Chờ Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ. Không tính thời gian trên egov;

- Bước 12: Bấm nút tiếp tục xử lý trên egov sau khi nhận được văn bản cấp mã số chứng chỉ của Bộ Xây dựng; nhập mã số và in chứng chỉ. Thời gian thực hiện là 01 ngày;

- Bước 13: Lãnh đạo SXD ký chứng chỉ; sau đó chuyển đến bộ phận phát hành và bộ phận trả kết quả tại SXD. Thời gian xử lý là 02 ngày;

- Bước 14: Chuyển hồ sơ kết quả đến Trung Hành chính của tỉnh. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 15: Trung tâm Hành chính của tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh tùy theo nhu cầu của tổ chức đã đăng ký.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện, xác minh, làm rõ hồ sơ và thời gian chờ bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ).



**h) Phí, Lệ phí:** Lệ phí theo quy định tại Thông tư số 172/2016/TT-BXD ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính:

- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực HĐXD lần đầu: 1.000.000 đồng/Chứng chỉ;
- Lệ phí cấp lại, cấp bổ sung, điều chỉnh, chuyển đổi chứng chỉ năng lực HĐXD lần đầu: 500.000 đồng/Chứng chỉ

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn và xác định hạng của chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 24/2016/TT-BXD.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**Phụ lục số 01**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN VÀ XÁC ĐỊNH HẠNG CỦA CHÚNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Họ và tên:.....
2. Trình độ chuyên môn: .....
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp (năm, tháng): .....
4. Đơn vị công tác: .....
5. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

Stt	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động, chức danh hành nghề hoạt động xây dựng)	Ghi chú
1				
2				
...				

6. Số Chứng chỉ hành nghề đã được cấp: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
(1) (2)

7. Tự xếp Hạng: .....  
Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

**Xác nhận của Cơ quan, Tổ chức quản lý trực tiếp<sup>(3)</sup>**  
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày .../.../...  
**NGƯỜI KHAI**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Ghi chú:**  
(1) Cá nhân nộp kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề đã được cấp.  
(2) Cá nhân tự xếp Hạng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Thông tư này.  
(3) Xác nhận đối với các nội dung từ mục 1 đến mục 6 (Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này).

**Phụ lục số 03**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD  
ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP  
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG  
CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)**

1. Tên tổ chức:.....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  3. Số điện thoại: ..... Số fax: .....
  4. Email: ..... Website:.....
  5. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
  6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:.....  
Nơi cấp: ..... Ngày cấp:.....
  7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....
  8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có): .....
- Đề nghị cấp/cấp lại/Điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng như sau:.....
- 8.1. Cấp chứng chỉ năng lực   
Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....<sup>(1)</sup> ..... Hạng năng lực: .....
  - 8.2. Cấp lại chứng chỉ năng lực:   
Lý do: .....<sup>(2)</sup>
  - 8.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hoạt động:   
Lĩnh vực hoạt động xây dựng Điều chỉnh/bổ sung:...<sup>(1)</sup>... Hạng năng lực: .....
- (Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

<sup>(2)</sup> Ghi rõ lý do theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

**Phụ lục số 04**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD  
ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**DANH SÁCH**

**Cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức**

**I. Thông tin về tổ chức:**

Tên tổ chức:.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ: ..... Hạng:.....

**II. Danh sách cá nhân chủ chốt và nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức**

**1. Danh sách cá nhân chủ chốt<sup>(\*)</sup>:**

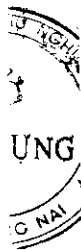
STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
4				
...				

**2. Danh sách nhân viên, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:**

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
4				
...				

*acta*

*L*



**III. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:**

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình (Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(\*) Cá nhân chủ chốt phải có hợp đồng lao động với Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực từ 12 tháng trở lên, giữ vai trò chủ nhiệm; chủ trì; giám sát trưởng; chỉ huy trưởng công trường. Mỗi cá nhân được tham gia hoạt động xây dựng với các Tổ chức khác nhau nhưng chỉ thực hiện vai trò chủ chốt tại một Tổ chức.

**2. Thủ tục cấp/cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại mục c thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia (<http://chungchi.xaydung.gov.vn>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

\* Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; viết phiếu thu chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ và hướng dẫn nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ. Sau đó chuyển hồ sơ đến Bộ phận sát hạch chứng chỉ hành nghề để xem xét.

+ Đối với trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai hoặc trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia:

Trường hợp, hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đến email đã đăng ký của cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ gửi xác nhận đến email đã đăng ký của cá nhân và yêu cầu nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ, cá nhân có trách nhiệm nộp chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định. Sau khi nhận được chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ thì người tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận xử lý hồ sơ kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ nội dung hoặc chưa rõ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn thiện, làm rõ hồ sơ, đồng thời bán nút tạm dừng trên eogv;

Trường hợp không yêu cầu bổ sung, hoàn thiện, làm rõ hồ sơ: nếu chưa có kết quả sát hạch thì chờ Hội đồng xét cấp chứng chỉ tổ chức sát hạch ở Bước 7, đồng thời bán nút tạm dừng trên eogv; nếu đã có kết quả sát hạch thì chuyển xuống Bước 8;

- Bước 4+B5+B6: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ thực hiện yêu cầu về bổ sung, hoàn thiện, làm rõ hồ sơ và nộp tại Trung tâm Hành chính của tỉnh để chuyển về SXD xử lý.



Trường hợp chưa có kết quả sát hạch thì chờ Hội đồng xét cấp chứng chỉ tổ chức sát hạch ở Bước 7, đồng thời bấm nút tạm dừng trên egov; nếu đã có kết quả sát hạch thì chuyển xuống Bước 8;

Không tính thời gian xử lý Bước 4, B5, B6 trên hệ thống egov;

- Bước 7: Tổ chức sát hạch: không tính thời gian trên Egov.

- Bước 8: Sau khi có kết quả sát hạch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề tổng hợp kết quả sát hạch và hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề; dự thảo Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề và văn bản đề nghị Bộ Xây dựng cấp Mã số chứng chỉ hành nghề: trong khoảng thời gian 3,0 ngày làm việc sau khi tổ chức thi sát hạch, đồng thời bấm nút tiếp tục xử lý trên hệ thống Egov.

- Bước 9: Trình Lãnh đạo SXD duyệt Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề và ký văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ hành nghề gửi Bộ Xây dựng. Gửi văn bản đề nghị BXD cấp mã số chứng chỉ, đồng thời bấm nút tạm dừng trên egov. Thời gian xử lý là 03 ngày;

- Bước 10: Chờ Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề. Không tính thời gian xử lý trên egov. Khi nhận được mã số chứng chỉ do BXD cấp thì bấm nút tiếp tục xử lý trên egov;

- Bước 11: Bộ phận sát hạch nhập mã số và in chứng chỉ hành nghề và trình lãnh đạo Sở ký chứng chỉ. Thời gian xử lý là 1,5 ngày;

- Bước 12: Lãnh đạo SXD ký phát hành chứng chỉ. Thời gian xử lý là 02 ngày;

- Bước 13: Chuyển hồ sơ đến bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng để vào sổ và chuyển đến Trung tâm Hành chính công tỉnh. Thời gian xử lý là 0,5 ngày;

- Bước 14: Trung tâm Hành chính công tỉnh trả kết quả cho cá nhân.

**d) Thời hạn giải quyết:** 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian tổ chức sát hạch và thời gian chờ Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ chậm)

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án



**3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề HĐXD hạng II, hạng III (trường hợp CCHN rách nát/thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án**

**3.1. Trường hợp chứng chỉ hành nghề HĐXD (bị rách nát/thất lạc) đã được cấp trước ngày 01/9/2016**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại mục c thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia (<http://chungchi xaydung.gov.vn>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

\* Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; viết phiếu thu chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ và hướng dẫn nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ. Sau đó chuyển hồ sơ đến Bộ phận sát hạch chứng chỉ hành nghề để xem xét.

+ Đối với trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai hoặc trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia.

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đến email đã đăng ký của cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ gửi xác nhận đến email đã đăng ký của cá nhân và yêu cầu nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ, cá nhân có trách nhiệm nộp chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định. Sau khi nhận được chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ thì người tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến Bộ phận sát hạch chứng chỉ hành nghề để xem xét. Chuyển hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công đến bộ phận nhận hồ sơ và bộ phận xử lý hồ sơ của Sở Xây dựng.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 3: Trong thời gian 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét.

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.



- Bước 4: Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề; Bộ phận sát hạch dự thảo Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề. Thời gian thực hiện là 05 ngày;

- Bước 5: Lãnh đạo SXD duyệt Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề. Thời gian thực hiện là 03 ngày;

- Bước 6: Nhập mã số chứng chỉ, in chứng chỉ hành nghề và trình lãnh đạo Sở ký chứng chỉ. Thời gian thực hiện là 02 ngày;

- Bước 7: Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng vào sổ và chuyển đến Trung tâm Hành chính công tỉnh. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 8: Trung tâm Hành chính công tỉnh trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh tùy theo nhu cầu của công dân đã đăng ký.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**3.2. Trường hợp chứng chỉ hành nghề HĐXD (bị rách nát/thất lạc) đã được cấp từ ngày 01/9/2016 về sau**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại mục c thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia (<http://chungchi xaydung.gov.vn>) hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

\* Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; viết phiếu thu chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ và hướng dẫn nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ. Sau đó chuyển hồ sơ đến Bộ phận sát hạch chứng chỉ hành nghề để xem xét.

+ Đối với trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai hoặc trên hệ thống cấp chứng chỉ trực tuyến Quốc gia.

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đến email đã đăng ký của cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ gửi xác nhận đến email đã đăng ký của cá nhân và yêu cầu nộp chi phí, lệ phí cấp chứng chỉ, cá nhân có trách nhiệm nộp chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định. Sau khi nhận được chi phí và lệ phí cấp chứng chỉ thì người tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến Bộ phận sát hạch chứng chỉ hành nghề để xem xét. Chuyển hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công đến bộ phận nhận hồ sơ và bộ phận xử lý hồ sơ của Sở Xây dựng.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 3: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét.

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Nhập mã số chứng chỉ, in chứng chỉ hành nghề. Thời gian xử lý là 01 ngày;

- Bước 5: Trình lãnh đạo Sở ký chứng chỉ. Thời gian thực hiện là 1,5 ngày;

- Bước 6: Bộ phận trả kết quả của Sở Xây dựng vào sổ và chuyển đến Trung tâm Hành chính công tỉnh. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;



- Bước 7: Trung tâm Hành chính công tỉnh trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh tùy theo nhu cầu của công dân đã đăng ký.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.
- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây hoạt động xây dựng.
- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**4. Thủ tục Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người đề nghị thẩm định chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ. Sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, in phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổ chức thẩm định.

+ Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định dự án, thiết kế cơ sở.

- Bước 3: Trình kết quả thẩm định cho UBND tỉnh xem xét phê duyệt, sau khi có kết quả phê duyệt chuyên về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt); hoặc chuyển kết quả thẩm định về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với các trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt).

- Bước 4: Trung tâm hành chính công tỉnh trả kết quả cho người đề nghị thẩm định theo quy định.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Bản chính Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (có đính kèm thủ tục);

+ Bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;

+ Bản sao có chứng thực các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan: Chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh) được cấp có thẩm quyền chấp thuận; Văn bản của cấp có thẩm quyền về sử dụng đất kèm bản đồ địa chính khu đất;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

3. NGHỆ  
Đ  
UNG  
G NAI

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực) gồm: chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế các bộ môn (*Trường hợp chứng chỉ năng lực của tổ chức và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đã được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần kê khai mã số chứng chỉ tại điểm 3, mục II của Tờ trình*).

+ Riêng đối với hồ sơ điều chỉnh bổ sung thêm: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hồ sơ dự án đầu tư đã phê duyệt, các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh.

+ Đĩa CD lưu trữ file mềm của toàn bộ hồ sơ trình thẩm định để lưu trữ và quản lý hồ sơ.

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ. Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các đơn vị liên quan, cơ quan thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung thêm bản sao hồ sơ để gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách gửi lấy ý kiến các đơn vị sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Cảnh sát PC&CC tỉnh (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng, cải tạo*); Sở Tài nguyên Môi trường (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng*); Sở Giao thông Vận tải (*đối với các dự án xây dựng mới*); Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch,...(*đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý của mỗi Sở ngành liên quan*); UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (*tại nơi thực hiện dự án*).

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách gửi lấy ý kiến các đơn vị sau: Cảnh sát PC&CC tỉnh (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng, cải tạo*); Sở Tài nguyên Môi trường (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng*); Sở Giao thông Vận tải (*đối với các dự án xây dựng mới*); Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch,...(*đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý của mỗi Sở ngành liên quan*); UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (*tại nơi thực hiện dự án*).

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:

+ Không quá 25 ngày làm việc đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

*(Trường hợp trình UBND tỉnh phê duyệt thì cộng thêm thời gian phê duyệt là: không quá 15 ngày làm việc).*

- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:

+ Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị tư vấn thẩm tra do chủ đầu tư lựa chọn; các Sở, ngành liên quan khác khi cần lấy ý kiến.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt); hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định (đối với trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt).

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
- Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án, quyết định phê duyệt thiết kế dự toán; thẩm định thiết kế dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh;
- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng.

**5. Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 01 bước- quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người đề nghị thẩm định chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ. Sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, in phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổ chức thẩm định.

+ Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định.

- Bước 3: Trình kết quả thẩm định cho UBND tỉnh xem xét phê duyệt, sau khi có kết quả phê duyệt chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt); hoặc chuyển kết quả thẩm định về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với các trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt).

- Bước 4: Trung tâm hành chính công tỉnh trả kết quả cho người đề nghị thẩm định theo quy định.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Bản chính Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (có đính kèm thủ tục);

+ Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình;

+ Bản chính Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

+ Bản chính Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hồ sơ khảo sát xây dựng;

+ Bản chính Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

+ Bản chính Thuyết minh Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đối với công trình sử dụng vốn ngân sách;



+ Bản sao có chứng thực Văn bản của cấp có thẩm quyền về sử dụng đất kèm bản đồ địa chính khu đất;

+ Bản chính Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn nhà nước;

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát (bản sao có chứng thực) gồm: chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức khảo sát; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm khảo sát (*Trường hợp chứng chỉ năng lực của tổ chức và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đã được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần kê khai mã số chứng chỉ tại điểm 3, mục II của Tờ trình*).

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực) gồm: chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế các bộ môn (*Trường hợp chứng chỉ năng lực của tổ chức và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đã được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần kê khai mã số chứng chỉ tại điểm 3, mục II của Tờ trình*).

+ Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

+ Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

+ Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

+ Đĩa CD lưu trữ file mềm của toàn bộ hồ sơ trình thẩm định để lưu trữ và quản lý hồ sơ.

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ. Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các đơn vị liên quan, cơ quan thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung thêm bản sao hồ sơ để gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách gửi lấy ý kiến các đơn vị sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Cảnh sát PC&CC tỉnh (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng, cải tạo*); Sở Tài nguyên Môi trường (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng*); Sở Giao thông Vận tải (*đối với các dự án xây dựng mới*); Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch,...(*đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý của mỗi Sở ngành liên quan*); UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (*tại nơi thực hiện dự án*).

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách gửi lấy ý kiến các đơn vị sau: Cảnh sát PC&CC tỉnh (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng, cải tạo*); Sở Tài nguyên Môi trường (*đối với các dự án xây dựng mới, mở rộng*); Sở Giao thông Vận tải (*đối với các dự án xây dựng mới*); Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch,...(*đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý của mỗi Sở ngành liên quan*); UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (*tại nơi thực hiện dự án*).

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 18 ngày làm việc (*Trường hợp trình UBND tỉnh phê duyệt thì cộng thêm thời gian phê duyệt là: không quá 12 ngày làm việc*).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt (*đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt*); hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định (*đối với trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt*).

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công;
- Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
- Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án, quyết định phê duyệt thiết kế dự toán; thẩm định thiết kế dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng.

**6. Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người đề nghị thẩm định chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần và số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

- Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ. Sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, in phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổ chức thẩm định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp I; 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 (mười) ngày đối với công trình cấp IV. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

- Bước 3: Trình kết quả thẩm định cho UBND tỉnh xem xét phê duyệt, sau khi có kết quả phê duyệt chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt); hoặc chuyển kết quả thẩm định về Trung tâm Hành chính công tỉnh (đối với các trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt).

- Bước 4: Trung tâm hành chính công tỉnh trả kết quả cho người đề nghị thẩm định theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:** Người yêu cầu thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện (Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc Sonadezi, Số 1 - đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Bản chính Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 01 trong Phụ lục đính kèm TTHC này.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được duyệt (bản vẽ TKCS, thuyết minh TKCS, thuyết minh dự án đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ; kết quả thẩm định dự án hoặc thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

+ Bản sao Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy đối với công trình thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy (nếu có);

+ Bản sao Văn bản thông báo chấp thuận bản Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo thuyết minh được duyệt (nếu có);

+ Bản chính Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về hồ sơ trình thẩm định (theo mẫu số 02 trong Phụ lục đính kèm TTHC này);

+ Bản sao Văn bản của các cấp có thẩm quyền về quyền sử dụng đất kèm theo bản đồ địa chính khu đất (thời gian thực hiện không quá 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ);

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát (bản sao có chứng thực) gồm: chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức khảo sát; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm khảo sát (*Trường hợp chứng chỉ năng lực của tổ chức và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đã được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần kê khai mã số chứng chỉ tại điểm 3, mục II của Tờ trình*).

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực) gồm: chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế các bộ môn (*Trường hợp chứng chỉ năng lực của tổ chức và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đã được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần kê khai mã số chứng chỉ tại điểm 3, mục II của Tờ trình*).

+ Bản chính hồ sơ khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình;

+ Các văn bản của cơ quan chuyên ngành về thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật, tỉnh không, môi trường (nếu có);

+ Các cơ sở pháp lý khác liên quan đến dự án (nếu có).

+ Bản chính các bản vẽ thiết kế xây dựng công trình (có đầy đủ dấu pháp nhân và chữ ký của chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế, các cá nhân tham gia thiết kế);

+ Bản chính Thuyết minh thiết kế xây dựng;

+ Bản chính Dự toán xây dựng công trình (đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách);

+ Bản chính Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có – theo mẫu số 03 trong Phụ lục đính kèm TTHC này);

+ Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ trình thẩm định để lưu trữ và quản lý hồ.

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Không quá 35 ngày làm việc đối với công trình cấp I;

- Không quá 25 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III;

- Không quá 18 ngày làm việc đối với công trình cấp IV.

*(Trường hợp trình UBND tỉnh phê duyệt thì cộng thêm thời gian phê duyệt là: không quá 15 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp II và cấp III; 12 ngày làm việc đối với công trình cấp IV).*

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp do UBND tỉnh phê duyệt); hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định (đối với trường hợp không do UBND tỉnh phê duyệt).

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình theo Mẫu số 06 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ (Mẫu 01).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về hồ sơ trình thẩm định theo Mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng (Mẫu 02).

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 (Mẫu 03).

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 6/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng.

ĐỘNG  
ÔNG NAI

## II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC

**7. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh**

**f) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch Kiến trúc, phòng Phát triển Đô thị và Hạ tầng Kỹ thuật (đối với các hồ sơ quy hoạch xây dựng thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật).

**h) Phí, lệ phí:** Phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thu theo quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng (tùy theo quy mô diện tích, quy mô dân số, tỷ lệ lập quy hoạch, tính chất... của Dự án để tính Phí thẩm định cần phải đóng).

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công thương Quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp;
- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng về việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;
- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

*Handwritten signature*

*Handwritten signature* 61

**8. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh**

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ chung:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư (02 bản chính).
- Số lượng thuyết minh tổng hợp quy hoạch xây dựng:
  - + Áp dụng đối với hồ sơ nộp thông qua hội đồng thẩm định (chỉ nộp thuyết minh tổng hợp đính kèm các văn bản pháp lý liên quan về thỏa thuận địa điểm hoặc chủ trương đầu tư hoặc chủ trương lập quy hoạch):
    - 30 cuốn, đối với dự án có quy mô 20ha trở lên.
    - 15 cuốn, đối với dự án có quy mô nhỏ hơn 20ha.
  - + Áp dụng đối với hồ sơ đã được chỉnh sửa, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định: 03 cuốn.
- Nội dung thuyết minh quy hoạch xây dựng phải đính kèm:
  - + Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền; hoặc giấy phép quy hoạch và quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của chủ đầu tư đối với hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng;
  - + Các bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu;
  - + Văn bản pháp lý:
    - Sơ đồ vị trí kèm theo văn bản thỏa thuận địa điểm (hoặc văn bản liên quan đến chủ trương đầu tư, chủ trương lập quy hoạch) của cấp có thẩm quyền;
    - Bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh dự án theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 02 năm (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (02 bản photo);
    - Văn bản ý kiến của UBND cấp huyện về nội dung hồ sơ; văn bản tổng hợp về kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- Thuyết minh quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng (03 cuốn) đính kèm các bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu và các văn bản pháp lý có liên quan (như thuyết minh tổng hợp).
- Bản vẽ đủ thành phần và đúng tỷ lệ theo quy định (01 bộ màu – đối với hồ sơ đã thông qua hội đồng thẩm định hoặc đã lấy ý kiến nhận xét đánh giá bằng văn bản của các ủy viên hội đồng thẩm định).
- Bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh dự án theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 01 năm (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (02 bản photo);
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập (01 bộ - đóng thành tập), bao gồm:



- + Văn bản pháp lý chứng minh pháp nhân của đơn vị tư vấn;
- + Chứng chỉ hành nghề của người chủ nhiệm, chủ trì thiết kế từng bộ môn chuyên ngành;
- + Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận của từng cá nhân tham gia thiết kế;
- Hồ sơ khảo sát xây dựng (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (01 bộ), bao gồm:
  - + Hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát, hợp đồng;
  - + Hồ sơ tổ chức giám sát, thẩm định và báo cáo tổng kết kỹ thuật khảo sát (bao gồm bản vẽ và thuyết minh);
  - Đĩa CD (02 cái - chép toàn bộ file: Bản vẽ quy hoạch dạng file CAD, thuyết minh tổng hợp, thuyết minh quy định quản lý xây dựng, tờ trình, dự thảo quyết định và scan tất cả các văn bản pháp lý có liên quan).

**\* Đối với hồ sơ đã thông qua hội đồng thẩm định hoặc đã lấy ý kiến nhận xét đánh giá bằng văn bản của các ủy viên hội đồng thẩm định:**

- Bổ sung văn bản thông qua hội đồng thẩm định hoặc văn bản tổng hợp ý kiến góp ý của các ủy viên hội đồng (trường hợp chỉ thông qua ý kiến của các ủy viên hội đồng thẩm định);

- Bổ sung văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của hội đồng thẩm định hoặc của các ủy viên hội đồng (trường hợp chỉ thông qua ý kiến của các ủy viên hội đồng thẩm định);

**\* Đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng:**

- Bổ sung văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (02 bản photo).

- Bổ sung bản vẽ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông được duyệt (01 bộ photo - có dấu xác nhận của cơ quan phê duyệt).

**f) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, phòng Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật (đối với các hồ sơ quy hoạch xây dựng thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật).

**g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Biên bản hoặc văn bản góp ý đối với hồ sơ nộp thông qua hội đồng thẩm định.

- Đối với hồ sơ đã thông qua hội đồng thẩm định:

- + Sau khi thẩm định, Sở Xây dựng ban hành Tờ trình trình UBND tỉnh hoặc văn bản góp ý hoàn thiện hồ sơ.

- + Trên cơ sở Tờ trình của Sở Xây dựng, UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định phê duyệt.

*delac*

*63*

Lưu ý: Đối với các hồ sơ thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của Bộ Xây dựng hoặc phải thông qua HĐND cấp tỉnh trước khi phê duyệt thì kết quả thực hiện của TTHC là văn bản lấy ý kiến hoặc văn bản trình thông qua HĐND của UBND tỉnh.

**h) Phí, lệ phí:** Phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thu theo quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng (tùy theo quy mô diện tích, quy mô dân số, tỷ lệ lập quy hoạch, tính chất... của Dự án để tính Phí thẩm định cần phải đóng).

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công thương Quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp;
- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng về việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;

- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.



ỦY BAN  
C  
TƯ  
ĐỒNG

**9. Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý**

**f) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch:
  - + UBND tỉnh Đồng Nai.
  - + Sở Xây dựng (đối với hồ sơ được UBND tỉnh phân cấp).
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch Kiến trúc, phòng Phát triển Đô thị và Hạ tầng Kỹ thuật (đối với các hồ sơ quy hoạch xây dựng thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật).
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan.

### III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

**10. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành**

**10.1. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình (khởi công xây dựng trước ngày 01/7/2015) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)**

#### a) Trình tự thực hiện:

Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) so với ngày Chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi cho Sở Xây dựng báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc báo cáo hoàn thành công trình cùng hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

+ Nhập tên hồ sơ vào sổ theo dõi và máy vi tính.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý.

Phòng chuyên môn của Sở Xây dựng kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế dựa trên hồ sơ hoàn thành công trình. Khi cần thiết, Sở Xây dựng được quyền yêu cầu Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của thiết kế.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản tới chủ đầu tư biết để bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Xây dựng thông báo cho chủ đầu tư lịch kiểm tra công trình lần cuối.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ phát hiện thấy tổ chức thí nghiệm không đủ điều kiện năng lực theo quy định, số liệu kết quả thí nghiệm không đủ độ tin cậy; kiểm tra hiện trạng bằng trực quan, các số liệu quan trắc, đo đạc cho thấy công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế (ngiên, lún, nứt, thấm... vượt quy định cho phép) thì Sở Xây dựng yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.

*ala*

67 *Lt*



- Bước 4:

+ Trên cơ sở kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình; kết quả kiểm tra công trình lần cuối và kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế và quy định của pháp luật, đảm bảo đủ điều kiện khai thác và sử dụng công trình thì Sở Xây dựng có văn bản chấp thuận cho Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

+ Trường hợp công trình có biểu hiện không đảm bảo an toàn vận hành, khai thác và sử dụng (an toàn chịu lực, an toàn PCCC, an toàn môi trường và các an toàn khác theo quy định của pháp luật có liên quan); vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình thì Sở Xây dựng có văn bản không chấp thuận cho Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng chỉ được thực hiện nếu các bên có liên quan khác phục, giải quyết được các tồn tại và vi phạm nêu trên.

- Bước 5: Trung tâm Hành chính công tỉnh trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh tùy theo nhu cầu của công dân đã đăng ký.

**b) Thành phần, Số lượng hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng:**

1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 (01-Bản chính);

2. Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng và hợp đồng theo quy định tại Mục A Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Quyết định về chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo Dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi).

- Các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.

- Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).

- Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.

- Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.

- Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

- Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.

- Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

3. Hồ sơ khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Mục B Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
- Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kèm theo: hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4); chỉ dẫn kỹ thuật; văn bản thông báo kết quả thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4).
- Biên bản nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
- Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

4. Hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Mục C Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013, bao gồm:

- Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
- Bản vẽ hoàn công theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 (có danh mục bản vẽ kèm theo và các bản vẽ được xếp lại theo khổ A4).
- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình (đề cương giám sát, biện pháp thi công,...).
- Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.
- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
- Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
- Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.
- Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.
- Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
  - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
  - b) An toàn phòng cháy, chữa cháy (các văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét);
  - c) An toàn môi trường;
  - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

*Handwritten signature*

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);  
e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.  
- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).  
- Nhật ký thi công và nhật ký giám sát thi công xây dựng công trình.  
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công trình đưa vào sử dụng của Chủ đầu tư.  
- Các phụ lục tồn tại cần sửa chữa, khắc phục sau khi đưa công trình vào sử dụng.  
- Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

**c) Thời hạn giải quyết:** (Thời gian giải quyết là thời gian tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Không quá 15 ngày làm việc: Đối với công trình cấp III và cấp IV.
- Không quá 30 ngày làm việc: Đối với các công trình cấp II.

**d) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân và tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan Quyết định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp (trong trường hợp Sở Xây dựng yêu cầu tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng).

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Giám định xây dựng Đồng Nai

**d) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân và tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan Quyết định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp (trong trường hợp Sở Xây dựng yêu cầu tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng).

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Chi cục Giám định xây dựng Đồng Nai

**f) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

**g) Phí, lệ phí:**

Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình, bao gồm:

- Chi phí kiểm tra của Sở Xây dựng (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, ở...) được tính theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.



- Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điểm 3, 5 Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng; giá trị căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện được tính theo quy định tại Phụ lục hướng dẫn lập dự toán chi phí tư vấn kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo về thông tin công trình / hạng mục công trình (Phục lục 1a – Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng).

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình (Phụ lục 3 – Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng).

**i) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Xây dựng số 16/2006/QH11 ngày 26/11/2003;

- Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng về Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ về Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.



**Phụ lục 1a**

(Ban hành kèm theo Công văn số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)

.....(Tên Chủ đầu tư) ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

**Kính gửi:** ..... (1) .....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình..... báo cáo về thông tin của công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Tên công trình/hạng mục công trình .....
  2. Địa điểm xây dựng: .....
  3. Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: .....
  4. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
  5. Danh sách các nhà thầu: (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
  6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
- Đề nghị ..... (1) ..... tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (2)
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
pháp nhân)

(1). Cơ quan thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng và phân cấp của UBND cấp tỉnh.

(2). Sở Xây dựng trong trường hợp công trình theo quy định do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý chuyên ngành kiểm tra hoặc công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu đô thị, Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

**Phụ lục 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD  
ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

.....(Tên Chủ đầu tư) .....

Số: ..... / .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**

Kính gửi : ..... (1).....

Chủ đầu tư công trình/hạng mục công trình..... báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình với các nội dung sau :

1. Tên công trình/hạng mục công trình .....
2. Địa điểm xây dựng .....
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (ghi rõ các điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định của pháp luật).

Đề nghị....(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- ..... (2) ....(để biết);
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

- (1). Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Điều 25 Thông tư này.
- (2). Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 25 Thông tư này.

*calce*

**10.2. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình (khởi công xây dựng từ ngày 01/7/2015 về sau) trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) gửi tới Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

\* Người tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; sau đó chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để xem xét.

Thời gian xử lý Bước 1 là 0,5 ngày;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở SXD chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý. Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 3: Bộ phận xử lý hồ sơ xem xét sơ bộ và thông báo kế hoạch kiểm tra đến chủ đầu tư. Thời gian thực hiện là 02 ngày;

- Bước 4: Trong thời gian 05 ngày, Bộ phận xử lý hồ sơ thực hiện kiểm tra theo kế hoạch;

- Bước 5: Gửi văn bản thông báo kết quả kiểm tra đến chủ đầu tư; yêu cầu giải trình, khắc phục tồn tại, thí nghiệm, kiểm định, thử tải (nếu có). Thời gian thực hiện là 02 ngày; đồng thời bấm nút tạm dừng trên egov để chờ chủ đầu tư tổ chức thực hiện các yêu cầu và tổ chức nghiệm thu công trình;

- Bước 6+B7+B8: Sau khi nhận được thông báo của Sở Xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát và tổ chức khắc phục các tồn tại, tổ chức thí nghiệm, kiểm định, thử tải theo yêu cầu của SXD (nếu có), tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, kết quả thí nghiệm, kiểm định, thử tải (nếu có) đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thông qua Trung tâm Hành chính của tỉnh. Không tính thời gian trên egov;

- Bước 9: Bấm nút tiếp tục xử lý sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, kết quả thí nghiệm, kiểm định, thử tải (nếu có) từ chủ đầu tư;

Bộ phận xử lý hồ sơ rà soát, tổng hợp kết quả kiểm tra và dự thảo văn bản thông báo kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu; trình lãnh đạo Sở Xây dựng. Thời gian thực hiện là 6,5 ngày;

- Bước 10: Lãnh đạo SXD ký duyệt kết quả. Thời gian thực hiện là 03 ngày;

- Bước 11: Bộ phận trả kết quả của SXD vào sổ và chuyển hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Thời gian thực hiện là 0,5 ngày;

- Bước 12: Trung tâm Hành chính công tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**b) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**c) Thời hạn giải quyết:** Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư gửi Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình và Báo cáo khắc phục các tồn tại (nếu có) đến Sở Xây dựng.

**d) Lệ phí, phí:** Không có (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

**e) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

CHỦ N  
SỞ  
Y DỤ  
ĐỒNG

*abc*

75  
*Lat*

**Phụ lục V**  
(Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD  
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**Mẫu số 02. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng  
hạng mục công trình, công trình xây dựng**

..... (1) ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ..... , ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: ..... (2) .....

(1) ..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: .....
  2. Địa điểm xây dựng .....
  3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
  4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
  5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
  6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
  7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
  8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
  9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.
- Đề nghị .... (1) .... tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
pháp nhân)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu ...

**Ghi chú:**

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

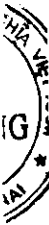
### **I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

**1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện**

**h) Phí, lệ phí:** Phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thu theo quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng (tùy theo quy mô diện tích, quy mô dân số, tỷ lệ lập quy hoạch, tính chất... của Dự án để tính Phí thẩm định cần phải đóng).

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công thương Quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp;



- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng về việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;
- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.



**2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện**

**h) Phí, lệ phí:** Phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng thu theo quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng (tùy theo quy mô diện tích, quy mô dân số, tỷ lệ lập quy hoạch, tính chất... của Dự án để tính Phí thẩm định cần phải đóng).

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công thương Quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp;
- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;



79

- Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng về việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;
- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành./.

## B. DỊCH VỤ CÔNG CẤP HUYỆN

### I. LĨNH VỰC NHÀ Ở

#### QUY TRÌNH (1)

##### Cấp số nhà

1. Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

2. Lưu đồ giải quyết:

Stt	Trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1.	Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận (có thông tin ngày hẹn trả kết quả)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã	03 ngày
2.	Có ý kiến xác nhận, đề xuất trên đơn xin cấp số nhà	Ủy ban nhân dân cấp xã	
3.	Chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp xã	
4.	Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận (có thông tin ngày hẹn trả kết quả)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày
5.	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	
6.	Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận	Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện	04 ngày
7.	Xem xét cấp Giấy chứng nhận số nhà		
8.	Chuyển Giấy chứng nhận số nhà hoặc Văn bản trả lời đối với các trường hợp không đủ điều kiện cấp số nhà đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện		
9.	Trả kết quả cấp số nhà cho Ủy ban nhân dân cấp xã	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày (Theo thời gian hẹn tại Giấy biên nhận)
10.	Trả kết quả cấp số nhà cho tổ chức, cá nhân xin cấp số nhà	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã	0,5 ngày (Theo thời gian hẹn tại Giấy biên nhận)

## II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC QUY TRÌNH (2)

### Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng cấp huyện

1. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Lưu đồ giải quyết:

TT	Trình tự các bước công việc		Trách nhiệm	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	<p><b>* Tiếp nhận hồ sơ:</b> Kiểm tra thành phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu HS không hợp lệ: Thông báo cho cá nhân, tổ chức HS chưa đủ điều kiện tiếp nhận và hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện lại HS;</li> <li>- Nếu HS hợp lệ:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông báo HS đã đủ điều kiện tiếp nhận;</li> <li>+ Chuyển HS về cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện.</li> </ul> </li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	0,5 ngày
		<p><b>* Phân công công việc:</b> Lãnh đạo cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện phân công, chuyển chuyên viên thụ lý.</p>	Lãnh đạo cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ	<p><b>* Rà soát, cung cấp thông tin:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có tọa độ VN-2000, chuyển Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh – chi nhánh cấp huyện để thực hiện xuất bản vẽ trích lục khu đất có tọa độ VN-2000.</li> </ul>	Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh – chi nhánh cấp huyện	02 ngày
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tọa độ VN-2000, rà soát, đối chiếu thông tin quy hoạch xây dựng được duyệt, dự thảo văn bản phúc đáp cá nhân, tổ chức.</li> </ul>	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện	04 ngày
		<p><b>* Thông qua Lãnh đạo cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu chưa thống nhất: Chuyển chuyên viên chỉnh sửa.</li> <li>- Nếu thống nhất: Ký ban hành.</li> </ul>	Lãnh đạo cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện	02 ngày
3	Phát hành, trả kết quả	<p>Văn thư cho số, đóng dấu và thông báo chủ đầu tư đến nhận kết quả</p>	Văn thư cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện	0,5 ngày
		<p>Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức (<i>kết thúc thủ tục hành chính</i>).</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	0,5 ngày

**Phần III**  
**QUY TRÌNH- LƯU ĐỒ XỬ LÝ HỒ SƠ**  
**DỊCH VỤ CÔNG NGÀNH XÂY DỰNG**

**A. DỊCH VỤ CÔNG CẤP TỈNH**  
**I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC**  
**QUY TRÌNH (1)**

**Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng**

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Lưu đồ giải quyết:

TT	Trình tự các bước công việc		Trách nhiệm	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	<p><b>* Tiếp nhận hồ sơ:</b> Kiểm tra thành phần.</p> <p>- Nếu HS không hợp lệ: Gửi thư điện tử cho tổ chức, cơ quan thông báo HS chưa đủ điều kiện tiếp nhận và hướng dẫn tổ chức, cơ quan hoàn thiện lại HS;</p> <p>- Nếu HS hợp lệ:</p> <p>+ Gửi thư điện tử cho tổ chức, cơ quan thông báo HS đã đủ điều kiện tiếp nhận.</p>	Trung tâm hành chính công tỉnh	0,5 ngày
		<p>+ Chuyển HS về bộ phận một cửa của Sở Xây dựng.</p> <p>+ Bộ phận một cửa Sở Xây dựng chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn phụ trách</p>	Bộ phận một cửa của Sở Xây dựng	0,5 ngày
		<p><b>* Phân công công việc:</b> Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công, chuyển chuyên viên thụ lý.</p>	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ	<p><b>* Rà soát, cung cấp thông tin:</b></p> <p>Sau khi rà soát, đối chiếu thông tin quy hoạch xây dựng được duyệt, dự thảo văn bản phúc đáp tổ chức, cơ quan.</p>	Chuyên viên phụ trách.	03 ngày
		<p><b>* Thông qua Lãnh đạo phòng:</b></p> <p>- Nếu chưa thống nhất: Chuyển chuyên viên chỉnh sửa.</p> <p>- Nếu thống nhất: Trình LĐ Sở.</p>	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	<p>- Nếu chưa thống nhất: Chuyển Trưởng phòng chuyên môn đề yêu cầu chuyên viên chỉnh sửa.</p> <p>- Nếu thống nhất: Ký ban hành.</p>	Lãnh đạo Sở	02 ngày
4	Phát hành, trả kết quả	<p>Văn thư Văn phòng Sở cho số, đóng dấu.</p>	Văn thư Văn phòng Sở	0,5 ngày
		<p>Sau khi văn bản được cho số, đóng dấu, bộ phận một cửa của Sở Xây dựng chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh để trả cho cá nhân, tổ chức</p>	Bộ phận một cửa của Sở Xây dựng	0,5 ngày
		<p>Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức (kết thúc quy trình xử lý)</p>	Trung tâm hành chính công tỉnh	0,5 ngày

*Handwritten signature*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH**

Kính gửi: UBND huyện (thị xã, thành phố).....

**1. Chủ đầu tư:**

- Họ tên người làm đơn (trường hợp cơ quan, đơn vị doanh nghiệp thì thủ trưởng cơ quan là đại diện, ghi rõ tên cơ quan):.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà.....Đường (phố).....

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Điện thoại:.....Fax: .....

- Email: .....

**2. Địa điểm đề xuất:**

Số nhà.....Đường (phố).....

(hoặc xóm.....thôn.....)

Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số: .....

Diện tích:.....

*(đính kèm bản đồ địa chính khu đất xác định mốc, ranh khu đất theo hệ tọa độ VN-2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện với thời hạn chưa quá 01 năm)*

**3. Ý định đầu tư xây dựng:**

- Chức năng công trình: .....

- Diện tích ô đất (m<sup>2</sup>):.....Mật độ xây dựng (%) : .....

- Tổng diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>):..... Tầng cao công trình (tầng): .....

- Chiều cao công trình (m):.....

4. Để có cơ sở triển khai nghiên cứu các bước tiếp theo của dự án đầu tư theo đúng quy định, kính đề nghị UBND huyện (thị xã, thành phố) ..... cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng tại vị trí nêu trên. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Đồng Nai, ngày.....tháng.....năm.....

**Người làm đơn**

(Nếu của cơ quan, đơn vị thì người đại diện ký tên, đóng dấu)